TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-7-2022
"V/v Ly hôn giữa Anh Th và chị H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Nghị

2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

Ngày 22-7-2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/ 2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Nho Th, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1974.

ĐKHK: Thôn Ph, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Tổ dân phố Đ, thị trấn H1, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Anh Th, chị H đều có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Trần Nho Th trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị H là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 15/9/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, chị H bỏ nhà vào tỉnh Đắc Lắc làm ăn. Năm 2003 chị H về đưa con đi cùng. Năm 2004 anh vào Nam chung sống cùng vợ con. Năm 2014 anh bàn bạc với chị H để vợ chồng về quê làm ăn chăm sóc bố mẹ già nhưng chị H không về. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện H giải

quyết cho anh được ly hôn chị H. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị H1, sinh năm 1994. Hiện nay cháu đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị kết hôn với Anh Th là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 15/9/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng không thống nhất được công việc làm ăn, chị muốn vào Đắc Lắc làm ăn nhưng Anh Th không đồng ý, nên chị đã đi một mình. Năm 2003 chị về quê đón con đi cùng chị. Năm 2004 Anh Th vào Nam làm ăn cùng chị. Năm 2014 Anh Th về quê chăm sóc bố, mẹ và không vào chung sống cùng chị nữa. Năm 2020 mẹ con chị về quê sinh sống. Nay Anh Th xin ly hôn, quan điểm của chị không muốn vợ chồng ly hôn, chị không muốn con thiếu cha, mẹ. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị H1, sinh năm 1994. Hiện nay cháu đã trưởng thành và đi xây dựng gia đình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị H, địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H1, huyện H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H, tỉnh Thái Bình. Anh Th, chị H đều có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt Anh Th, chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Th kết hôn với chị H là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 15/9/1993, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, không thống nhất được nơi, chốn làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 1999 đến năm 2004 vợ chồng đoàn tụ, nhưng chỉ được 10 năm vợ chồng lại sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Anh Th xin ly hôn, chị H không nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân đã lâu, cần xử cho ly hôn giữa Anh Th, chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị H1, sinh năm 1994. Hiện nay cháu đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về chia tài sản chung*: Anh Th, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh Th phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về hôn nhân***: Cho ly hôn giữa anh Trần Nho Th và chị Trần Thị H.

2.***Về nuôi con chung***: Anh Th, chị H có 01 con chung là Trần Thị H1, sinh năm 1994. Hiện nay cháu H1 đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, nên không xem xét giải quyết.

3. ***Về chia tài sản chung***: Không xem xét giải quyết.

4. ***Về án phí***: Anh Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Anh Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003686 ngày 06-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình, Anh Th đã nộp đủ tiền án phí.

5. Anh Th, chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Nhàn